TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 28-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Bà Dương Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Địa chỉ: Số 22 đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Q H – Chuyên viên tố tụng – Phòng quản lý khách hàng cá nhân Miền Bắc – Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 11232/UQ-PVB ngày 16 tháng 6 năm 2020). Vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Duy Q

2. Bà Nguyễn Thị T

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 1309 đường N, phường N, quận H, thành phố Hải phòng. Đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H

Nơi cư trú: Số 1 ngõ 155 đường N, Tổ 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/09/2017, P với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Duy Q đã ký kết Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT (sau đây viết tắt là "Hợp đồng tín dụng"), với nội dung cơ bản như sau:

- Số tiền vay: 750.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn)*;

- Mục đích: Vay tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 84 *(Tám mươi tư)* tháng kể từ ngày giải ngân.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là lãi suất ưu đãi: 8,49%/năm. Hết thời gian này, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được xác định theo công thức: Lãi suất cho vay = LSCS + Biên độ 4%/năm (trong đó LSCS là lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ.

- Lãi suất cho vay quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với phần nợ đến hạn nhưng chưa trả.

- Phương thức giải ngân: Chuyển khoản.

- Phương thức trả nợ:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 20 hàng tháng.

+ Kỳ hạn trả nợ lãi : Ngày 20 hàng tháng.

Ngày 21/09/2017, P đã thực hiện giải ngân một lần cho ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T số tiền 750.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết qua hình thức chuyển khoản.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Là Bất động sản có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Uỷ ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho ông Nguyễn Duy Q và vợ là bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 287/2017/HĐBĐ-PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/09/2017, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 607 Tờ bản đồ số: 08

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 04, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích: 160 m^2 *(bằng chữ: Một trăm sáu mươi mét vuông)*

- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng;

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị.

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

- Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Bên Thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản nêu trên đều thuộc Tài sản Thế chấp và đều đảm bảo cho Nghĩa vụ được bảo đảm nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T mới chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho P tạm tính đến ngày 28/7/2021 là: Nợ gốc đã trả: 133.935.000 đồng; nợ lãi trong hạn đã trả: 78.502.342 đồng; nợ lãi quá hạn đã trả: 13.406.734 đồng; tổng nợ đã trả: 225.844.076 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng)*

Tuy nhiên, ngày 18/11/2018, ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. P đã gửi các văn bản thông báo cho khách hàng cụ thể như sau:

- Ngày 30/09/2019, P đã gửi công văn số 13356/PVB-QL&TCTTS về việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn yêu cầu ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tại P trước ngày 05/10/2019, tuy nhiên đến nay khách hàng không thực hiện.

- Ngày 27/02/2020, P đã gửi công văn số 2180/PVB-QL&TCTTS về việc yêu cầu tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm. Yêu cầu khách hàng tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm trước ngày 10/03/2020, tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn không thực hiện.

- Ngày 13/08/2020, P đã gửi công văn về việc khởi kiện khách hàng ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan. Nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 28/7/2021 là: Nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.906.608 đồng; nợ lãi quá hạn: 87.915.552 đồng; tổng nợ: 860.887.160 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi đồng).*

Vì vậy, P yêu cầu Tòa án:

1. Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải trả cho P tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 28/7/2021 là: 860.887.160 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi đồng)*, trong đó nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.906.608 đồng; nợ lãi quá hạn: 87.915.552 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải trả cho P các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thanh toán nợ của ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T. Tài sản bảo đảm cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 607, tờ bản đồ số 08, diện tích 160m2 tại tổ dân phố số 4 (hiện là nhà số 1 ngõ 155 đường N, tổ dân phố số 11), phường N, quận H, thành phố Hải Phòng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho ông Nguyễn Duy Q và vợ là bà Nguyễn Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 20/09/2017 có ký Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT với P – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng giao dịch Lương Khánh Thiện vay số tiền là: 750.000.000đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn) đúng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại Tòa án. Để đảm bảo cho khoản vay này, bị đơn đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số: 607, Tờ bản đồ số: 08; địa chỉ: Tổ dân phố số 04, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng (hiện là nhà số 1 ngõ 155 đường N, Tổ 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng); Diện tích: 160 m^2 *(bằng chữ: Một trăm sáu mươi mét vuông)*; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho bị đơn để thế chấp cho P.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, bị đơn mới chỉ trả được cho P một phần tiền nợ gốc và tiền nợ lãi như P đã nêu trong Bảng kê tính lãi của P tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 09/7/2021 gửi cho Tòa án. Sau đó, do tình hình dịch bệnh dẫn đến công việc làm ăn của bị đơn không được thuận thuận lợi, ốm đau triền miên, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P. Bị đơn xác nhận tính đến ngày 09/7/2021, bị đơn còn nợ của P số tiền là: 855.272.884 đồng trong đó nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 154.727.003 đồng; nợ lãi quá hạn: 84.480.881 đồng. Bị đơn đề nghị P cho bị đơn được trả dần từng quý và cắt giảm cho bị đơn một phần tiền lãi. Trường hợp bị đơn không hoàn trả được tiền như đã cam kết, thì P có quyền phát mại tài sản thế chấp theo luật định.

Tài sản thế chấp này mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên bị đơn, nhưng bản chất đó là tài sản do các cụ để lại, bị đơn tự ý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình khi chưa được sự đồng ý của chú ruột là ông Trần Văn H.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng bị đơn (bà Nguyễn Thị T) đã nộp cho P ngày 08/7/2021 (bà T đã nộp phiếu thu tiền cho Tòa án ngày 09/7/2021) là để tất toán số tiền vay của Thẻ tín dụng cá nhân mang tên Nguyễn Thị T cũng mở tại P và trả 1 phần vào dư nợ gốc, lãi của khoản vay này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/9/2017. Tuy nhiên, do bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và cũng không tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn để xử lý thu hồi nợ. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã 02 lần tổ chức buổi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tuy nhiên, do ông Trần Văn H là người đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp không hợp tác nên không tiến hành đo đạc được. Qua khảo sát thực tế thấy trên thửa đất thế chấp có 01 nhà cấp 4, đổ mái bằng, tường xây gạch chỉ 220, sân đằng trước có mái che, lợp tôn lạnh.

Theo xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải: Thửa đất số: 607, Tờ bản đồ số: 08 Địa chỉ: Tổ dân phố số 04, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng (hiện là nhà số 1 ngõ 155 đường N, Tổ 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho ông Nguyễn Duy Q và vợ là bà Nguyễn Thị T là của ông Nguyễn Duy Q được Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1994. Năm 2016, ông Nguyễn Duy Q và vợ là bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân quận Hải An cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sai số thửa và Tờ bản đồ. Nguồn gốc của Thửa đất này theo Sổ mục kê ruộng đất năm 1994 hiện Ủy ban nhân dân phường Nam Hải đang lưu giữ thì chủ sử dụng thửa đất ban đầu là bà Nguyễn Thị Rịp (là mẹ đẻ của ông Trần Văn H và là bà nội của ông Nguyễn Duy Q). Lý do vì sao năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện An Hải lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy Q, Ủy ban nhân dân phường Nam Hải không nắm được, do không có hồ sơ lưu giữ.

Căn cứ vào tài liệu do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cung cấp gồm: Bản sao Đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất, Xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất xã, Trích đo mặt bằng sử dụng đất ngày 26/11/1994, cho thấy thửa đất thế chấp nói trên được Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Nguyễn Duy Q có nguồn gốc là của: *"Ông cha để lại"*. Tòa án nhân dân quận Hải An đã 03 lần gửi công văn cho Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng yêu cầu trả lời về tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1994 cho ông Nguyễn Duy Q, nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo khoản 16, 25 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: quyền sử dụng diện tích 160m2 đất và tài sản trên đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho ông Nguyễn Duy Q và vợ là bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T, hiện cư trú tại số nhà 1309 đường N, phường N, quận H, thành phố Hải phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố là ông Nguyễn Duy Q, bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập là ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 28/7/2021 là: 860.887.160 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi đồng)*, trong đó nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.906.608 đồng; nợ lãi quá hạn: 87.915.552 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/09/2017 giữa P với ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi quá hạn, phương thức trả nợ… đều phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 21 tháng 9 năm 2017, P đã giải ngân cho Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T số tiền 750.000.000 đồng theo phương thức chuyển khoản. Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T đã cam kết nhận nợ đối với số tiền trên tại Khế ước nhận nợ số LD1726419022 ngày 21/9/2017. Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T cũng xác nhận có ký Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/9/2017 với P và tính đến ngày 09/7/2021, bị đơn còn nợ của P số tiền là: 855.272.884 đồng trong đó nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 154.727.003 đồng; nợ lãi quá hạn: 84.480.881 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của P về việc buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho P số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T tiếp tục phải thanh toán cho P tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/9/2017 và Khế ước nhận nợ số LD1726419022 ngày 21/9/2017 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm – ngày 29/7/2021 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc của khoản vay.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải trả cho P các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2021) cho đến khi tất toán khoản vay, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên trong các hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ kèm theo, Bảng kê tính lãi do nguyên đơn giao nộp cho thấy: Ngoài lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn ra, P không yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản lãi, phí nào khác. Mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng bằng 150% mức lãi suất trong hạn, là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của P.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T không thanh toán được khoản nợ cho P, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Xét Hợp đồng thế chấp số 287/2017/HĐBĐ-PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/09/2017, số công chứng: 9332/HĐTC/2017: Quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Đất

Cảng, thành phố Hải Phòng giữa P với bên thế chấp tài sản là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T được ký trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại các điều 385, 398, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm thế chấp, bên thế chấp cam đoan tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của riêng bên thế chấp và không có tranh chấp với ai (thể hiện ở khoản 3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp); trình tự, thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 và Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn lại cho rằng tài sản bị đơn hiện thế chấp tại P là của ông cha để lại, khi bị đơn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hỏi ý kiến của chú ruột là ông Trần Văn H. Hội đồng xét xử thấy, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn về việc thế chấp tài sản đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật như đã phân tích ở trên nên không bị vô hiệu; do đó bắt buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình từ thời điểm giao kết hợp đồng. Khi thế chấp, P chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho ông Q và bà T, không thể biết và không buộc phải biết việc cấp giấy chứng nhận đó có đúng quy định của pháp luật hay không. Do đó, theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Dân sự 2015, thì P là người thứ ba ngay tình nên được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, P yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 323, Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nếu nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, thì ông Trần Văn H có quyền khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương), ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết bằng 01 vụ án khác.

[6] Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ: P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án với số tiền đã được làm tròn là: 37.658.000 đồng (đã được làm tròn).

Trả lại P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 318, 319, 385, 398, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của P.

1. Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho P tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 28/7/2021 là: 860.887.160 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi đồng)*, trong đó nợ gốc: 616.065.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.906.608 đồng; nợ lãi quá hạn: 87.915.552 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số 288/2017/HĐTD/PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/9/2017 và Khế ước nhận nợ số LD1726419022 ngày 21/9/2017.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2021), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nói trên.

3. Trường hợp ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 607, tờ bản đồ số 08, diện tích 160m2 tại tổ dân phố số 4 (hiện là nhà số 1 ngõ 155 đường N, tổ dân phố số 11), phường N, quận H, thành phố Hải Phòng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CĐ 899158, Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01887 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/09/2016 cho ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 287/2017/HĐBĐ-PVB-CNHP-PGD LKT ngày 20/09/2017, số công chứng: 9332/HĐTC/2017: Quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng giữa P với bên thế chấp tài sản là ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu 37.658.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại P số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017778 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng là 18.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06-01/2021/QĐ-SCBSBA	*Hải An, ngày 09 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do tính toán sai trong bản án số 06/2021/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

Địa chỉ: Số 22 đường Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Duy Q

2. Bà Nguyễn Thị T

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 1309 đường N, phường N, quận H, thành phố Hải phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H

Nơi cư trú: Số 1 ngõ 155 đường N, Tổ 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 06/2021/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng như sau:

- Tại dòng thứ 12 từ trên xuống của trang 9; dòng thứ 14 từ trên xuống của trang 10 đã ghi: *"37.658.000 đồng"*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: *"37.827.000 đồng"*

- Tại dòng thứ 15 từ trên xuống của trang 10 đã ghi: *"(Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng)"*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: *"(Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng)"*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình